| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 204/2018/HNGĐ – ST
Ngày 16- 03- 2018.
V/v tranh chấp " Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST– HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2018/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp GH B, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

*2. Bị đơn:* anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1988, địa chỉ: ấp QT A, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Vào năm 2009 chị và anh P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; chị và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2009. Chị và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/8/2011. Hiện con chung đang sống chung với chị. Chị với anh P không tạo lập được tài sản chung, về nợ chung không có.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh P là do thời gian đầu anh, chị sống chung rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, anh P nhiều lần có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nhiều lần chị phải trở về

nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do đó, từ tháng 3 năm 2013 đến nay chị với anh P không còn sống chung. Khi chị với anh P không còn sống chung. Cha mẹ anh P nhiều lần hàn gắn cho anh, chị nhưng chị không đồng ý.

Chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh P không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh P. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng khi ly hôn.

- Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011, chị yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi còn chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Xét thấy: từ tháng 3 năm 2013 đến nay chị Đ và anh P không còn sống chung, gia đình anh P có nhiều lần hàn gắn cho chị với anh P nhưng không thành. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ, về hôn nhân: chị Đ được ly hôn với anh P, về con chung: chị Đ được trực tiếp nuôi con chung, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng, cấp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Văn P có đăng ký hộ khẩu tại 18/6 ấp QTA, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh P các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh P đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[4] Về hôn nhân: năm 2009 chị Đ, anh P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2009. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị Đ, anh P là phù hợp với qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2013 chị Đ và anh P phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian chung sống chị và anh P bất đồng quan điểm, anh P nhiều lần có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nhiều lần chị phải trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ tháng 3 năm 2013 đến nay chị với anh P không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Do đó tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị Đ không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: chị Đ và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/8/2011, khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy: từ khi chị Đ và anh P không còn sống chung cho đến nay chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P ít tới lui thăm con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị Đ có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, nguyện vọng xin nuôi con của chị Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/8/2011 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, khi cần thiết chị Đ có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đ. Xét thấy: mặc dù anh P và chị Đ ly hôn nhưng anh P phải có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu

Nguyễn Phương N và để chị Đ có điều kiện nuôi dưỡng con chung nên cần buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị Đ yêu cầu là chưa phù hợp với qui định của pháp luật, do chị Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập hiện nay của anh P mỗi tháng là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đ, buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng; cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp

[7] *Về chia tài sản*: không có.

[8] *Về nợ chung*: không có

[9] *Về án phí*:

- Chị Đ phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

- Anh P phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

*1. Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Chị Đ không yều cầu anh P cấp dưỡng khi ly hôn.

*2. Về con chung*: chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/8/2011. Anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng; cấp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Đ có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

*3. Về chia tài sản chung:* không có.

*4. Về nợ chung*: không có.

*5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012152 ngày 19 tháng 10 năm 2017 và đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn P phải nộp là 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
*-VKSND huyện;*
*- TAND tỉnh;*
*- Đương sự;*
*- UBND xã Hòa Lợi.*
*- Chi cục THADS huyện;*
*- Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
*(Đã ký)*

**Trần Thị Vân**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|
| **Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn** | **Trần Thị Vân** |

***Nơi nhận:***
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**

**Caùc Hoäi thaåm nhaân daân** **Thaåm phaùn –**
**Chuû toaï phieân toaø**

**Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt** **Huyønh Thò Pheâ**